

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: /STC-QLNS

Tây Ninh, ngày 23 tháng 10 năm 2018

V/v hướng dẫn xác định nhu cầu,
nguồn và phương thức chi điều
chỉnh mức lương cơ sở năm 2018

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (*sau đây viết tắt là “Nghị định số 72/2018/NĐ-CP”*);

Căn cứ Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng (*sau đây viết tắt là “Nghị định số 88/2018/NĐ-CP”*);

Trong thời gian chờ văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP, để kịp thời thực hiện chi lương, phụ cấp, trợ cấp, các khoản đóng góp cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Sở Tài chính đã có Công văn số 1720/STC-QLNS ngày 06/7/2018 hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện điều chỉnh mức lương tối thiểu chung.

Đến nay, các cơ quan, đơn vị tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cơ bản đã báo cáo nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương theo các mẫu biểu báo cáo như hướng dẫn tại Công văn số 1900/STC-QLNS ngày 02/8/2017 của Sở Tài chính về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức lương tối thiểu chung và Công văn số 3517/STC-QLNS ngày 29/12/2017 về hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 (*các văn bản hướng dẫn trên được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính Tây Ninh*).

Ngày 06/8/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 68/2018/TT-BTC hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.

Sở Tài chính hướng dẫn bổ sung một số nội dung về phương pháp xác định và chế độ báo cáo về nhu cầu và nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP, Nghị định số 88/2018/NĐ-CP của Chính phủ đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư số 68/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính như sau:

I. Xác định nhu cầu kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP

1. Đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc được điều chỉnh mức lương cơ sở thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2018/TT-BNV ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền (*đối với cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khu phố; lực lượng dân quân tự vệ (dân quân thường trực) được xác định trong phạm vi định biên theo quy định tại: khoản 1, Điều 2, Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND ngày 05/8/2010 và Điều 3, Quyết định số 66/2013/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh và quyết định của cấp có thẩm quyền*). Trong đó, chú ý một số nội dung sau:

a) Nhu cầu thực hiện điều chỉnh tiền lương của các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện, thành phố không bao gồm:

- Số đối tượng vượt chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2018; các cơ quan, đơn vị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 72/2018/NĐ-CP (không bao gồm người làm việc theo chế độ hợp đồng thuộc quân đội nhân dân, công an nhân dân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này); các cơ quan, đơn vị bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao và các nguồn thu hợp pháp khác để chi trả cho các đối tượng này.

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương của các huyện, thành phố bao gồm cả phần ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chính sách tinh giản biên chế, chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu cho các đối tượng do địa phương quản lý theo quy định của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 26/2015/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

c) Nhu cầu kinh phí điều chỉnh trợ cấp tăng thêm cho cán bộ xã nghỉ việc được xác định căn cứ vào số đối tượng thực có mặt tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2018, mức trợ cấp tăng thêm quy định tại Điều 2 Nghị định số 88/2018/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 08/2018/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

II. Xác định nguồn kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP

1. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP trong năm 2018 của các cơ quan, đơn vị tỉnh:

a) Đối với các cơ quan hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể:

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2018 (nếu có).

- Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2018 đã được cấp có thẩm quyền giao đối với từng cơ quan, đơn vị.

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2018 (phần còn lại sau khi đã sử dụng để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1,21 triệu đồng/tháng lên 1,3 triệu đồng/tháng). Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Mục này.

- Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định (từ định mức chi hoạt động, chi lương dành ra cho số biên chế được tinh giản, sắp xếp lại bộ máy hành chính và từ các giải pháp khác nếu có theo quy định).

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2018 (nếu có).

- Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2018 đã được cấp có thẩm quyền giao đối với từng cơ quan, đơn vị.

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2018 (phần còn lại sau khi đã sử dụng để thực hiện đến mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng). Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Mục này.

- Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (từ định mức chi hoạt động, chi lương dành ra cho số biên chế được tinh giản, từ phần ngân sách nhà nước dành ra khi tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập và từ các giải pháp khác nếu có theo quy định).

c. Trường hợp các nguồn theo quy định tại điểm a, b nêu trên nhỏ hơn nhu cầu kinh phí năm 2018 thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP, Nghị định số 88/2018/NĐ-CP theo quy định tại Mục I Công văn này, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung phần chênh lệch thiếu cho các cơ quan, đơn vị tỉnh để đảm bảo đủ nguồn thực hiện.

2. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP, Nghị định số 88/2018/NĐ-CP trong năm 2018 của các huyện, thành phố:

a) Nguồn kinh phí:

- Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2018 tăng thêm so với dự toán năm 2017 theo Quyết định giao dự toán của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sử dụng nguồn 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất) thực hiện so với dự toán năm 2017 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (từ định mức chi hoạt động, chi lương dành ra cho số biên chế được tinh giản; từ phần ngân sách nhà nước dành ra do sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố; từ phần ngân sách nhà nước dành ra khi tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập và từ các giải pháp khác nếu có theo quy định).

- Sử dụng nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có).

- Sử dụng nguồn còn dư (nếu có) sau khi bảo đảm nhu cầu điều chỉnh tiền lương đến mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng, từ các nguồn:

+ Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2017 theo Quyết định giao dự toán của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2018. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Mục này.

+ 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu sở xố kiến thiết) dự toán năm 2018 so với dự toán năm 2017 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b) Ngân sách cấp tỉnh bổ sung nguồn kinh phí còn thiếu đối với những huyện, thành phố ngân sách khó khăn sau khi đã sử dụng các nguồn theo quy định tại điểm a khoản 2 Mục này.

c) Đối với các huyện, thành phố có nguồn kinh phí theo quy định tại điểm a khoản 2 Mục này lớn hơn nhu cầu kinh phí theo quy định tại Mục I Công văn này, các huyện, thành phố tự bảo đảm phần kinh phí thực hiện; phần chênh lệch lớn hơn sử dụng để chi trả thay phần ngân sách tỉnh hỗ trợ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và tỉnh ban hành (giảm tương ứng phần ngân sách cấp tỉnh phải hỗ trợ theo chế độ) theo quy định.

3. Số thu được để lại theo chế độ quy định tại khoản 1 và 2 Mục này phải bảo đảm nguyên tắc không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu. Phạm vi và tỷ lệ trích từ nguồn thu được để lại (trừ các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Mục này), chú ý một số điểm sau:

a) Đối với cơ quan hành chính: sử dụng tối thiểu 40% số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí) được để lại theo chế độ.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên:

- Đối với số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí): sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

- Đối với số thu học phí chính quy: sử dụng tối thiểu 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu học phí (bao gồm cả kinh phí được ngân sách nhà nước cấp bù học phí theo quy định).

- Đối với số thu dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: sử dụng tối thiểu 40% số thu từ các hoạt động trên sau khi loại trừ các chi phí trực tiếp đã tính vào giá dịch vụ cho các hoạt động này và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Các cơ quan hành chính được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Đơn vị được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương và tự bảo đảm nguồn kinh phí điều chỉnh mức tiền lương cơ sở từ nguồn thu của đơn vị, bao gồm cả nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2017 chưa sử dụng (nếu có) theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 68/2018/TT-BTC.

III. Báo cáo, thẩm định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP, Nghị định số 88/2018/NĐ-CP

Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh báo cáo nhu cầu và nguồn theo biểu mẫu số 1, 2c, 2e, 3a, 3b và 3c; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo nhu cầu và nguồn theo biểu mẫu số 2a, 2b, 2c, 2d, 2e, 3b, 3c, 4a và 4b ban hành kèm theo Công văn này.

Thời gian gửi báo cáo về Sở Tài chính: **chậm nhất là ngày 31/10/2018.**

* Lưu ý:

- Đối với cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND huyện, thành phố đã báo cáo nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương năm 2018 thực hiện như sau: đối với các biểu đã báo cáo phù hợp với mẫu biểu quy định tại Công văn này thì không phải báo

lại; báo cáo bổ sung đối với những mẫu biểu theo hướng dẫn tại Công văn này mà cơ quan, đơn vị cấp tỉnh hoặc UBND huyện, thành phố chưa thực hiện báo cáo.

- Đối với cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND huyện, thành phố chưa báo cáo nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương năm 2018: báo cáo theo các mẫu biểu quy định tại Công văn này.

IV. Kế toán và quyết toán:

Việc kế toán, quyết toán kinh phí thực hiện tiền lương, phụ cấp, trợ cấp cho các đối tượng theo quy định tại Công văn này thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành.

V. Tổ chức thực hiện

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Công văn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện, thành phố báo cáo Sở Tài chính để kịp thời xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT.HĐND tỉnh;
- KBNN Tây Ninh;
- Phòng TC-KH huyện, TP;
- KBNN huyện;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Lưu: VT.Sở, QLNS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**